

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/KDTM-ST  
Ngày: 24/5/2022  
*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồng Hải**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Đặng Thị Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 57/2020/TLST-KDTM ngày 17 tháng 07 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **N.H.TMCP.V.N.T.V.**

Địa chỉ: 89 L.H, P. L.H, Q.Đ.Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.C.D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **N.L.Đ.** (có mặt)

- Ông **T.V.T.** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 96 C.T, P4, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L.**

Địa chỉ: 22/2D đường 20C, tổ 2, ấp 3, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.P**, sinh năm 1971 - Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Địa chỉ: 521 P.V.Đ, P13, q.B.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **N.P**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: 521 P.V.Đ, P13, q.B.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **B.T.L**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: 521 P.V.Đ, P13, q.B.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Lữ Đoàn trình bày:*

C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L đã vay vốn tại N.H.TMCP.V.N.T.V (VPBank) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch P.M.H theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0095/HDHM ngày 25/7/2018 và hai khế ước nhận nợ:

+ Lần: 01 SME/EMH/18/0095/HDHM-01 ngày 25/7/2018; số tiền vay: 199.821.050 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;

+ Lần: 02 SME/EMH/18/0095/HDHM- 02 ngày 01/8/2018; số tiền vay: 194.546.700 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 01/8/2018; ngày đến hạn 01/8/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/EMH/18/0095/HDTCTK ngày 25/7/2018; số tiền vay là 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 26%/năm; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;

Tổng cộng số tiền vay của 3 lần trên là 494.367.750 đồng.

Các khoản tín dụng cấp cho C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông N.P theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 01 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 03 ngày 25/7/2018, của bà Bùi Thị Liên theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0095/HDBL – 02 ngày 25/7/2018.

Ngoài ra, C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L còn mở Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. VPBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Với những nội dung và lý do đã trình bày nêu trên, N.H.TMCP.V.N.T.V đề nghị Toà án nhân dân huyện H.M giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 24/5/2022 là:

+ Nợ gốc	: 259.938.570 đồng
+ Nợ lãi	: 312.839.616 đồng
+ Nợ Thẻ	: 135.298.958 đồng
Tổng cộng	: 708.077.144 đồng

Ngoài ra, đề nghị Tòa án buộc C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L vẫn tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, đề nghị Tòa án buộc ông N.P, bà B.T.L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

N.H.TMCP.V.N.T.V không đồng ý việc ông P có kế hoạch trả nợ hàng tháng 2.000.000 đồng đề nghị Tòa án buộc Công ty thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ.

*Theo bản tự khai, ông N.P đại diện theo pháp luật của Công ty C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L bị đơn trình bày:*

CC.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L đã vay vốn tại NN.H.TMCP.V.N.T.V (VPBank) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch P.M.H theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0095/HDHM ngày 25/7/2018 và hai khế ước nhận nợ:

+ Lần: 01 SME/EMH/18/0095/HDHM-01 ngày 25/7/2018; số tiền vay: 199.821.050 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;

+ Lần: 02 SME/EMH/18/0095/HDHM- 02 ngày 01/8/2018; số tiền vay: 194.546.700 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 01/8/2018; ngày đến hạn 01/8/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/EMH/18/0095/HDTCTK ngày 25/7/2018; số tiền vay là 100.000.000 đồng;

thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 26%/năm; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;

Tổng cộng số tiền vay của 3 lần trên là 494.367.750 đồng.

Các khoản tín dụng cấp cho C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ông N.P còn ký hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 01 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 03 ngày 25/7/2018 để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh phát sinh từ các văn kiện tín dụng đảm bảo khoản vay cho Công ty.

Ông P còn đại diện C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm.

Ông P thừa nhận đã nhận tiền vay, đã trả lãi và một phần vốn cho Ngân hàng tuy nhiên do Công ty đã phá sản, nhà ông đã bán toàn bộ tài sản nên không có khả năng thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

Do đó, ông xin được trả góp hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vi phạm quy định Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng có ký các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị phát hành thẻ với công ty các bên giao kết là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã nhận tiền giải ngân cũng như sử dụng thẻ tín dụng, còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 259.938.570 đồng và nợ thẻ 135.298.958 đồng. Hiện nay Công ty không còn hoạt động, bản thân ông P có cam kết trả nợ cho Công ty nhưng tài sản đã bán không còn khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên đề nghị giảm lãi và trả góp số tiền gốc mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Việc bị đơn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn đúng kỳ hạn là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký, yêu cầu giảm lãi và trả dần ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, nguyên đơn cũng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015 và Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: N.H.TMCP.V.N.T.V là chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết Hợp đồng tín dụng với C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L là chủ thể có đăng ký kinh doanh với nội dung cho C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L vay tiền Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải trả tiền lãi cho N.H.TMCP.V.N.T.V nên mục đích của các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp về kinh doanh thương mại đối với hợp đồng tín dụng.

Bị đơn C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L có trụ sở tại số 22/2D đường số 20C, tổ 2, ấp 3, xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh hiện chưa đăng ký giải thể nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L có người đại diện theo pháp luật là ông N.P; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà B.T.L, ông N.P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên ông P và bà L vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn N.H.TMCP.V.N.T.V. Nhận thấy C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L có ông N.P là người đại diện theo pháp luật đã ký kết với N.H.TMCP.V.N.T.V các thỏa thuận tín dụng gồm:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0095/HDHM ngày 25/7/2018 và hai khế ước nhận nợ:

- + Lần: 01 SME/EMH/18/0095/HDHM-01 ngày 25/7/2018; số tiền vay: 199.821.050 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;

- + Lần: 02 SME/EMH/18/0095/HDHM- 02 ngày 01/8/2018; số tiền vay: 194.546.700 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 24.9%/năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần; ngày giải ngân: 01/8/2018; ngày đến hạn 01/8/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/EMH/18/0095/HDTCTK ngày 25/7/2018; số tiền vay là 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 26%/năm; ngày giải ngân: 25/7/2018; ngày đến hạn: 25/7/2019; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25/7/2018.

- Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 01 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 03 ngày 25/7/2018;

Bà B.T.L ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0095/HDBL – 02 ngày 25/7/2018.

Các hợp đồng nêu trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Quá trình giải quyết vụ án, C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L có người đại diện theo pháp luật là ông N.P đã thừa nhận việc bên cho vay đã chuyển tiền cho bên vay theo Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ. Công ty đã có trả lãi cho Ngân hàng lần cuối cùng là ngày 20/9/2019 tuy nhiên hiện nay công ty khó khăn đã phá sản, nhà ông đã bán toàn bộ tài sản nên không có khả năng thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó, ông xin được trả góp hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi.

Điều này chứng tỏ C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả, gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của N.H.TMCP.V.N.T.V, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N.H.TMCP.V.N.T.V về việc buộc C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/5/2022 là: 708.077.144 đồng.

Đối với yêu cầu về việc tính tiền lãi, phí phát sinh của N.H.TMCP.V.N.T.V, do các bên tự thỏa thuận về mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của N.H.TMCP.V.N.T.V được chấp nhận.

C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí khác phát sinh (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NN.H.TMCP.V.N.T.V cho vay thì lãi suất mà C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NN.H.TMCP.V.N.T.V.

Xét việc ông P và bà L có ký các hợp đồng bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông N.P theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 01 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 03 ngày 25/7/2018, của bà B.T.L theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0095/HDBL – 02 ngày 25/7/2018 do đó ông P và bà L có trách nhiệm trả tiền nợ cho Ngân hàng trong trường hợp C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 299, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N.H.TMCP.V.N.T.V.

[2] Buộc C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N.H.TMCP.V.N.T.V toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cùng Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký với N.H.TMCP.V.N.T.V.

Số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2022 là 708.077.144 đồng, Trong đó: nợ gốc 259.938.570 đồng, nợ lãi 312.839.616 đồng, nợ thẻ là: 135.298.958 đồng.

Kể từ ngày 25/5/2022, C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí khác phát sinh (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của N.H.TMCP.V.N.T.V cho vay thì lãi suất mà C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N.H.TMCP.V.N.T.V.

[3] Trong trường hợp Công ty C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì N.H.TMCP.V.N.T.V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các biện pháp cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của ông N.P và bà B.T.L theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 01 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0095/HDBL – 03 ngày 25/7/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0095/HDBL – 02 ngày 25/7/2018.

[4] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm C.T.TNHH I.T.M.Q.C.P.L phải chịu là 32.323.086 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho N.H.TMCP.V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.591.793 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0076097 ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hồng Hải**